

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30/9/2021
V/v: Tranh chấp về hôn nhân và gia
đình - ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Trường Chinh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm P Tâm**
2. Bà **Võ Thị Diệp**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đào Kim Xoa** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 215/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 239/2021/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2021; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Tổng Hoàng Dũng P** - sinh năm 1991,
Địa chỉ: Ấp 6, xã PT huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Chị **Trần Thị Cẩm T** - sinh năm 1990,
Địa chỉ: Ấp BH, xã BT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh P và chị T đều mặt vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2021 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Tổng Hoàng Dũng P trình bày như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Cẩm T tự nguyện tìm hiểu nhau và cùng tiến đến hôn nhân vào năm 2012, vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 21/10/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Phương Trà, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Đến khoảng tháng 4/2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cả hai không tìm được tiếng nói chung nên đã ly thân được hơn 02 năm. Trong khoảng thời gian không sống chung thì vợ chồng cũng không tìm cách để hàn gắn

tình cảm, nay tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh P yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị Cẩm T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Tống Trần Khải P - sinh ngày 30/9/2013; hiện con chung đang sống với chị T. Khi ly hôn, anh P đồng ý giao con chung cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng. Theo đơn khởi kiện thì anh trình bày không cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên nay anh nhận thấy mình cũng có một phần trách nhiệm đối với con chung nên anh đồng ý cấp dưỡng con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn chị Trần Thị Cẩm T đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cùng các giấy triệu tập hợp lệ nhưng đều không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải cũng như phiên tòa xét xử của Tòa án. Tuy nhiên, chị T có văn bản ý kiến yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; về tài sản chung và nợ chung không có; về con chung chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Tống Trần Khải P - sinh ngày 30/9/2013, yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con dựa trên mức lương của anh P với số tiền cấp dưỡng là 5.000.000 đồng mỗi tháng, trường hợp anh P không đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của chị thì chị cũng không đồng ý nhận cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm bản chính Giấy chứng nhận kết hôn, bản sao Giấy khai sinh con chung; Tòa án đã thông báo cho bị đơn biết các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp nhưng bị đơn vẫn không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định;

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn chị Trần Thị Cẩm T hiện đang cư trú tại ấp xã Bình Thạnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Tống Hoàng Dũng P và bị đơn chị Trần Thị Cẩm T đều có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ

luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với anh P và chị T.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 81 do Ủy ban nhân dân xã Phương Trà, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 21/10/2012, đã có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa anh Tống Hoàng Dũng P và chị Trần Thị Cẩm T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giải thích, hòa giải, động viên anh P về việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, anh P cho biết do mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, không thể đoàn tụ được nên anh vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị T. Đối với bị đơn chị Trần Thị Cẩm T, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng chị T không đến tham dự. Như vậy đã cho thấy chị T đã bỏ mặc, không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân với anh P.

Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa anh P và chị T có tồn tại mâu thuẫn, nếu chung sống với nhau thì cũng không hạnh phúc và không đạt được mục đích như quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình nên không thể kéo dài. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu của anh Tống Hoàng Dũng P về việc ly hôn với chị Trần Thị Cẩm T là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Theo lời trình bày của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thể hiện anh P và chị T có 01 con chung tên Tống Trần Khải P - sinh ngày 30/9/2013, con chung hiện đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh P đồng ý giao con chung cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi vợ chồng không còn sống chung đến nay thì chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, đảm bảo cho con chung có điều kiện phát triển tốt nhất về mọi mặt. Nhằm đảm bảo cho con chung ổn định cuộc sống, yêu cầu của chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, giao con chung cho chị Trần Thị Cẩm T được trực tiếp nuôi dưỡng.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cấp dưỡng cho con. Đây là nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con; do đó, không phân biệt người trực tiếp nuôi con có khả năng kinh tế hay không, người không trực tiếp nuôi con vẫn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Theo văn bản ý kiến của chị T, chị yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng vì mức lương của anh P có khả năng để thi hành (nhưng chị T không có gì để chứng minh mức thu nhập hiện tại của anh P) trường hợp anh P không đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của chị thì chị cũng không yêu cầu anh P phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Đối với anh P, anh cho rằng anh đang làm nghề tài xế, thu nhập hiện tại của anh không

ổn định và cũng không đáp ứng được theo như yêu cầu của chị T nên anh chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy sự tự nguyện của anh P là phù hợp nên chấp nhận, anh P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở kể từ ngày tuyên án đến khi con chung đủ 18 tuổi tùy từng thời điểm cấp dưỡng.

[3.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đều xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn anh Tống Hoàng Dũng P phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tống Hoàng Dũng P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Tống Hoàng Dũng P được ly hôn với chị Trần Thị Cẩm T.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, giao con chung tên Tống Trần Khải P - sinh ngày 30/9/2013 cho chị Trần Thị Cẩm T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Tống Hoàng Dũng P, anh P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở tùy từng thời điểm cấp dưỡng, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án đến khi con chung đủ 18 tuổi.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

5. Về án phí: Tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và tiền án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng, anh Tống Hoàng Dũng P phải chịu, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà anh P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012594 ngày 29/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao

Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy anh Tống Hoàng Dũng P còn phải nộp thêm số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án Tỉnh;
- VKSND HCL;
- Đương sự;
- CC THADS HCL;
- UBND xã Phương Trà, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Trường Chinh